

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2017/HSST.

Ngày: 15/8/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Viết Minh Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đoàn Như Kiên** – Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Ông **Trần Trọng Toàn** – Phó Giám đốc ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Thư ký ghi Biên bản phiên tòa: Ông **Phan Văn Thạch**, Thư ký Tòa án nhân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh G xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 14/2017/TLHS-ST, ngày 14 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

HÀ VĂN H – Tên gọi khác: không.

Sinh ngày: 12/12/1980, tại huyện TS, tỉnh BĐ.

Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh G.

Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 11/12.

Con ông: Hà M (Đã chết) và con bà: Ngô Thị C, sinh năm: 1953. Hiện mẹ trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh G. Gia đình bị cáo có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1985. Bị cáo là con đầu trong gia đình.

- Bị cáo kết hôn với chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1983 vào năm 2000 nhưng đến năm 2011 đã ly hôn. Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2017 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

***Người bị hại:**

Chị **Võ Thị Hồng L** – sinh năm: 1993.

Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có lý do).

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị **Nguyễn Thị S** – sinh năm: 1983.

Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có lý do).

2. Anh **Đinh Hữu H** – sinh năm: 1967.

Trú tại: 368 HV, thị trấn I, huyện I, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có lý do).

3. Bà **Ngô Thị C** – sinh năm: 1953.

Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY;

Bị cáo Hà Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh G truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 04/02/2017 Hà Văn H đến nhà của chị Nguyễn Thị S là vợ của H đã ly hôn tại thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh G để chơi và thăm con, nhưng chị S không có ở nhà. Trong nhà lúc này chỉ có 02 người con của chị S là Hà Hoàng P và Hà Thị Nhung H, H đi vào nhà nằm chơi trên võng. Một lúc sau chị Võ Thị Hồng L (là em gái cùng mẹ khác cha của chị Nguyễn Thị S) tới nhà chị S để mượn xe mô tô BKS 81E1-092.73 của chị S đi công việc. P đã gọi điện thoại cho chị S để nói về việc chị L mượn xe, chị S đồng ý cho L mượn xe mô tô và bảo P lấy chìa khóa xe mô tô đưa cho chị L mượn xe mô tô đi công việc. Sau đó P và H sang nhà bà Nguyễn Thị T là bà ngoại của P và H trú cùng thôn để chơi. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày chị Loan về để xe mô tô BKS 81E1-092.73 ở phía trước sân nhà của chị S và mang theo chìa khóa xe mô tô về nhà của chị Loan trú cùng thôn. Lúc này H quan sát thấy trong nhà chị S không có

ai nên nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô BKS 81E1-092.73 để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, H đã vào phòng ngủ của chị S lấy chìa khóa xe mô tô, sau đó H ra khỏi động xe và điều khiển xe mô tô BKS 81E1-092.73 đã trộm cắp được đi lên thị trấn I, huyện I, tỉnh G. Đến huyện Ia Grai, H vào đổ xăng thì thấy trong cốp xe mô tô có các giấy tờ gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện tai nạn con người, tất cả đều mang tên Nguyễn Thị S nên H đã điều khiển xe mô tô đến tiệm cầm đồ của anh Đinh Hữu H tại 368 HV, thị trấn I, huyện I, tỉnh G để cầm cố. Lúc đến tiệm cầm đồ của anh H, để làm tin H đã gọi điện thoại cho một người phụ nữ tên V trú tại phường TB, thành phố P, tỉnh G (H khai có gặp người này 02 lần tại phường TB, thành phố P, còn họ tên đầy đủ và địa chỉ H không biết) và nhờ người phụ nữ này nói là vợ của H, sau khi nói chuyện với người phụ nữ trên anh Đinh Hữu H đã đồng ý cho bị can H cầm cố xe mô tô BKS 81E1-092.73 với số tiền 17.000.000 đồng. Sau khi cầm cố được H đã đến nhà em gái của mình là Hà Thị Mỹ L trú tại xã I, huyện I, tỉnh G sinh sống cho đến ngày 15/5/2017 H về lại thôn L, xã Đ, huyện M thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M bắt giữ.

Theo kết luận định giá tài sản số: 03/KL-ĐGTS ngày 14/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M kết luận: 01 xe mô tô BKS 81E1-092.73, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn đỏ, số máy: JF58E0458214, số khung: 5800EY572425 trị giá 28.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 13/CTr-VKS, ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh G truy tố bị cáo Hà Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY;

Tại phiên Tòa hôm nay bị cáo Hà Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng:

-khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Hà Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Theo kết luận định giá tài sản số: 03/KL-ĐGTS ngày 14/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M kết luận: 01 xe mô tô BKS

81E1-092.73, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn đỏ, số máy: JF58E0458214, số khung: 5800EY572425 trị giá 28.000.000 đồng.

Qua lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo Hà Văn H tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chứng cứ và tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Từ những căn cứ trên đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hà Văn H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Xét về hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là một người có sức khỏe, có nhận thức, bị cáo biết được rằng tài sản của người khác luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Nhưng chỉ vì ham muốn có tiền để tiêu xài cá nhân không phải bằng chính sức lao động của mình, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chị Võ Thị Hồng L để chiếc xe mô tô mô tô BKS 81E1-092.73 ở ngoài sân nhà của chị Nguyễn Thị S không có người trông coi thì bị cáo đã lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô trên mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài bản thân. Trị giá tài sản mà bị cáo xâm hại là 28.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo H là nguy hiểm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần xử bị cáo với mức án nghiêm theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành người sống có ích cho gia đình, xã hội và đảm bảo tính giáo dục, phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là trong quá trình điều tra cũng như tại phiên Toà hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả.

Đối với anh Đinh Hữu H đã có hành vi nhận cầm cố xe mô tô BKS 81E1-092.73 với số tiền 17.000.000 đồng của bị cáo H nhưng anh H không biết xe mô tô trên là tài sản do trộm cắp mà có nên hành vi của anh H không phạm tội: “*Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại Điều 250 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tiệm cầm đồ do anh H làm chủ đã có hành vi cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 14/6/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã có văn bản thông báo cho Công an huyện I, tỉnh G để xử phạt hành chính đối với tiệm cầm đồ trên theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Đối với người phụ nữ tên V mà bị cáo Hà Văn H khai có gặp người này 02 lần tại phường TB, thành phố P, tỉnh G, quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã tiến hành xác minh đối tượng trên nhưng không xác định được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 xe mô tô (đã qua sử dụng) biển kiểm soát 81E1-092.73 nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, số khung 5800EY572425, số máy JF58E0458214, màu sơn đỏ. Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị S (là chủ sở hữu xe mô tô BKS 81E1-092.73) có đơn xin lại tài sản, xét thấy việc trả lại tài sản không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Ngày 10/02/2017 cơ quan CSĐT Công an huyện M ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp.

* Về phần trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Võ Thị Hồng L đã nhận lại tài sản bị mất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đinh Hữu H đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 17.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay bà Ngô Thị C và trong đơn xin xét xử vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo Hà Văn H phải chịu án phí HSST theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH;

Tuyên bố bị cáo **Hà Văn H** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Áp dụng: Khoản 1, Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn H 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 15/5/2017).

Căn cứ: Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Hà Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/8/2017) bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử p thẩm. Riêng đối với người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú lên Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G;
- VKSND huyện M;
- CA huyện M;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Viết Minh Quân